

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/HS-ST

Ngày: 09-9-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đồng Vũ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Anh Tuấn.

2. Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Văn Hồng Lễ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Hải Điền, Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2020, tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 84/2020/TLST-HS ngày 17/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST-HS ngày 24/8/2020 đối với bị cáo:

**Phạm Hữu T**, sinh năm 1994, tại tỉnh Bình Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Hữu T1 và bà Lê Thị M; Vợ, con: Không có; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã ngày 11/7/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tuy Phong. Có mặt tại phiên tòa.

***- Bị hại:***

1. Bà **Lê Thị Ngọc C1**, sinh năm 1954. (Có mặt)

Trú tại: Thôn H2, xã C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

2. Ông **Nguyễn H1**, sinh năm 1996. (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn A, xã P, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

***- Người làm chứng:*** **Hoàng Ngọc T2**, sinh năm 1983. (Có mặt)

Trú tại: Thôn H, xã C, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Hữu T là người nghiện ma túy đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Phạm Hữu T thường xuyên đến chơi tại tiệm Internet của Lê Thị Ngọc C1 tại thôn H2, xã C, huyện Tuy Phong nên biết được C1 thường bỏ tiền vào giỏ sách đi chợ để tại tiệm Internet nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 07 giờ 40 ngày 28/02/2020 T đi đến tiệm Internet của C1 ngồi chơi net, T nhìn thấy 01 bịch nilon màu xanh bỏ trong giỏ đi chợ màu đỏ của C1 đặt dưới sàn nhà tại tiệm Internet, kế bên chỗ T đang ngồi chơi net. T quan sát thấy C1 ra sân trước quét nhà không để ý nên đã lén lút bí mật lấy bịch nilon màu xanh trong giỏ đi chợ màu đỏ của C1 cất giấu vào trong bụng áo rồi bỏ đi khỏi tiệm net. Sau đó, T đếm được số tiền trong bịch nilon của C1 được 15.400.000 đồng, số tiền trên T tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng.

Sau khi phạm tội, T đã bỏ trốn khỏi địa phương, ngày 30/6/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Tuy Phong đã ra Quyết định truy nã số 03 đối với T.

Vụ thứ hai: Khoảng 6 giờ 17 phút ngày 11/7/2020 Phạm Hữu T (đang trốn truy nã) đi lòng vòng ở xã P để tìm tài sản trộm cắp. T đi đến nhà của Nguyễn H1 tại thôn 1, xã P thì nhìn thấy xe mô tô hiệu Honda Winner biển số 86B1-394.70 của H1 đang dựng trước sân nhà và có cắm sẵn chìa khóa, cửa công mở và không có người trong coi. T đi vào trong sân nhà H1 dắt xe mô tô biển số 86B1-394.70 đi lui được một đoạn ra hướng cửa hàng rào để nổ máy xe chạy thì T nhìn thấy trong nhà H1 có người đi ra nên T để xe mô tô lại và đi ra ngoài. Nguyễn H1 nhìn thấy T từ trong sân nhà đi ra ngoài nghi ngờ T trộm cắp tài sản nhà H1 nên rượt đuổi theo T và bắt giữ T giao cho Công an xã P, T thừa nhận đến nhà H1 trộm cắp xe mô tô biển số 86B1-394.70 nêu trên.

Theo Bản kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐG ngày 24/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Tuy Phong, kết luận: Xe mô tô hiệu Honda Winner, màu đen, biển số 86B1- 39470 trị giá 32.550.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 89/CT-VKS-TP ngày 17/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận đã truy tố bị cáo Phạm Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

### **Tại phiên tòa sơ thẩm:**

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong:* Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố tại cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Hữu T từ 18 – 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, buộc bị cáo Phạm Hữu T bồi thường cho bà Lê Thị Ngọc C1 số tiền 15.400.000 đồng.

- *Ý kiến của bị cáo:* Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu là đúng, không oan.

- *Ý kiến bị hại Lê Thị Ngọc C1:* Yêu cầu Tòa xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật, buộc bị cáo phải trả lại số tiền 15.400.000 đồng đã chiếm đoạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là đầy đủ và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Người bị hại Nguyễn H1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, bị hại đã có lời khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra và đã được nhận lại toàn bộ tài sản, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, lời khai phạm tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 07 giờ 40 phút ngày 28/02/2020, bị cáo Phạm Hữu T đã lén lút trộm cắp 15.400.000 đồng của bà Lê Thị Ngọc C1; Tiếp đến, khoảng 06 giờ 17 phút ngày 11/7/2020 bị cáo lén lút trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, màu đen, biển số 86B1- 39470 của ông Nguyễn H1. Theo kết luận định giá tài sản thì xe mô tô trên trị giá 32.550.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần trộm cắp tài sản, mỗi lần đều cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đối với lần phạm tội thứ 2, bị cáo chưa chiếm đoạt được tài sản là ngoài ý muốn của bị cáo do đó bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Trộm cắp tài sản”. Xét thấy, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và chỗ ở ổn định, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh ở địa phương, sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị bắt theo Quyết định truy nã nên cần xử phạt nghiêm để có tác dụng giáo dục và răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, màu đen, biển số 86B1- 39470 cho ông Nguyễn H1 là có căn cứ.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn H1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét; Bà Lê Thị Ngọc C1 yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 15.400.000 đồng đã chiếm đoạt. Xét thấy yêu cầu của bà C1 là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 770.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Hữu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Hữu T 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 11/7/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Phạm Hữu T trả cho bà Lê Thị Ngọc C1 số tiền 15.400.000 đồng (mười lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Áp dụng: Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Hữu T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 770.000 đồng (bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Tuy Phong;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Công an huyện Tuy Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đồng Vũ**